|  |  |
| --- | --- |
| **TR. THCS LƯƠNG VĂN CHÁNH**  **Tổ: Sử - Địa - GDCD**  **Đề chính thức:** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2024 - 2025**  **MÔN: ĐỊA LÍ, LỚP: 9**  **Thời gian làm bài: 60 phút** *( Cả 2 phân môn)*  *Không tính thời gian phát đề* |

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**Phần A. Trắc nghiệm: (3 điểm)**

**I.** **Chọn và ghi vào** **giấy làm bài chữ cái đứng trước câu trả lời đúng. (1 đ)**

**Câu 1.** Vùng có đường biên giới chung với Trung Quốc dài nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 2.** Vùng có cơ sở hạ tầng giao thông phát triển bậc nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 3.** Đồng bằng ven biển của Duyên hải Nam Trung Bộ là nơi sinh sống chủ yếu của

A. người Kinh và người Xơ Đăng. B. người Kinh và người Chăm.

C. người Xơ Đăng và người Cơ Ho. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 4.** Tỉnh nào sau đây **không thuộc** vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

A. Đà Nẵng. B. Phú Yên.

C. Quảng Ngãi. D. Thừa Thiên-Huế.

**II. Điền chỗ trống. (1 đ)**

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có lãnh thổ …(1)… và …(2)... Vùng có vùng biển rộng với nhiều đảo và hai quần đảo lớn … (3).… Vùng là cầu nối giữa các vùng phía bắc với các vùng phía nam, là cửa ngõ ra biển của các tỉnh …(4)… và Lào.

**1. .……………………………………............ 2. …………………………………………………**

**3. ……………………………………............. 4. …………………………………………………**

**III.** **Ghép đôi: (1 đ) *Nối ý ở mục A và ý ở mục B cho phù hợp***

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Thủy điện Hòa Bình được xây dựng ở trên sông | a. đàn gia cầm. |
| 2. Công nghiệp khai thác than phát triển mạnh nhất ở | b. Bắc Trung Bộ |
| 3. Chè là cây công nghiệp thế mạnh của | c. Trung du và miền núi Bắc Bộ |
| 4. Trung du và miền núi Bắc Bộ dẫn đầu cả nước về | d. Đà |
|  | e. Quảng Ninh |
|  | g. đàn trâu. |

**Phần B. Tự luận:** (4 điểm)

**Câu 1:** (1 điểm) Trình bày đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ.

**Câu 2:** (2 điểm) Phân tích các điều kiện tự nhiên thuận lợi để Đồng bằng sông Hồng trở thành vùng trọng điểm sản xuất lương thực thực phẩm thứ hai của nước ta.

**Câu 3:** (1 điểm) Chứng minh du lịch là ngành kinh tế thế mạnh của Phú Yên.

**HẾT.**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 -2025**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ, LỚP: 9**

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**A. Phần trắc nghiệm** (3 điểm) Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

**I. Chọn câu trả lời đúng:** (1 điểm)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Đáp án | D | A | B | B |

**II. Điền chỗ trống:** (1 điểm)

1. **kéo dài theo chiều bắc - nam,** 2. **hẹp theo chiều đông - tây**

3. Hoàng Sa và Trường Sa 4. **Tây Nguyên**.

**III. Ghép đôi:** (1 điểm)

1 – d ; 2 – e hoặc ; 3 – c; 4 - g

**B. Phần tự luận** (4 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| 1  (1đ) | ***Đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ:***  - Số dân: 11,2 triệu người, chiếm 11,3% số dân cả nước;  - Tỉ lệ dân thành thị thấp (chiếm 25% dân số) và có xu hướng tăng  - Địa bàn cư trú của nhiều dân tộc.  - Phân bố dân cư và dân tộc phân hóa giữa vùng đồng bằng ven biển p.Đông với vùng đồi núi p.Tây | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 2  (2đ) | ***Điều kiện tự nhiên thuận lợi để Đồng Bằng Sông Hồng trở thành vùng trọng điểm sản xuất lương thực thực phẩm thứ hai của nước ta:***  - Địa hình và đất: là đồng bằng châu thổ lớn thứ 2 cả nước, đất phù sa màu mỡ thuận lợi sản xuất lương thực thực phẩm.  - Khí hậu: Nhiệt đới ẩm gió mùa thuận lợi cho cây trồng và vật nuôi phát triển quanh năm; có mùa đông lạnh rất thích hợp phát triển cây trồng cận nhiệt và ôn đới có giá trị kinh tế cao (ví dụ)  - Nước: có 2 hệ thống sông lớn: sông Hồng và sông Thái Bình có nguồn nước dồi dào thuận lợi sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, tăng vụ. | 0,75  0,75  0,5 |
| 3  (1đ) | ***Du lịch là ngành kinh tế thế mạnh của Phú Yên:***  - Phú Yên có tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa phong phú(ví dụ).  - Số lượng khách trong và ngoài nước đến Phú Yên ngày càng tăng và doanh thu từ du lịch tăng và đóng góp quan trọng cho kinh tế tỉnh nhà. | 0,5  0,5 |

**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NH 2024 - 2025**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ, LỚP: 9**

**PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | **Tổng %, điểm,** |
| ***Nhận biết*** | | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng thấp*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | |
| 1 | **NÔNG, LÂM, THUỶ SẢN** | – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản | **Nhận biết**  Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản. | 2TN | |  |  |  | 5%  0,5đ |
| 2 | **CÔNG NGHIỆP** | – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu | **Nhận biết**  Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu. | 2TN | |  |  |  | 5%  0,5đ |
| 3 | **VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ** | Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ | **Nhận biết**  Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. | 1TN | |  |  |  | 2,5%  0,25đ |
| 4 | **VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên | **Nhận biết**  Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  **Thông hiểu**  Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thuỷ sản; | 1TN | | 1TL |  |  | 22,5%  2,25đ |
| 5 | **VÙNG BẮC TRUNG BỘ** | – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ. | 1TL | |  |  |  | 10%  1đ |
| 6 | **VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  – Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  – Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.  – Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.  **Vận dụng cao**  *–* Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng | 3TN | |  |  | 1TL | 25%  2,5đ |
| Số câu/ loại câu | | | | | 9TN  1 TL | 1 TL |  | 1 TL | 7đ |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | | **40%** | **20%** |  | **10%** | **70%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **DUYỆT ĐỀ**  **CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**  **Nguyễn Thị Xuân Thảng** | Hòa Trị, ngày 20 tháng 12 năm 2024  **GV RA ĐỀ**  **Trần Thị Minh Nguyệt** |